**Ngày soạn: 01/12/2023**

**Ngày giảng: thứ ba 03/01/2023**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 18**

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT OAN, OĂN, OAT, OĂT, OAI, UÊ, UY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các vần oan, oăn, oat, oăt, oai, uê, uy đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng, sau đó gọi HS đọc  **oan, oăn, oat, oăt, oai, uê, uy**  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  **oan, oăn, oat, oăt, oai, uê, uy, đoan, xoăn, hoạt, loắt, khoai, huề, huy.** Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Nhận xét bài:**  - GV nhận xét vở của HS  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Thu vở |

**LUYỆN VIẾT:**

**LUYỆN VIẾT UÂN, UÂT, UYÊN, UYÊT**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các uân, uât ,uyên, uyêt đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  uân, uât ,uyên, uyêt  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  uân, uât ,uyên, uyêt, lươn, luật, huyền, huyệt. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Nhận xét bài:**  - GV nhận xét bài của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - nộp vở. |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 81: ÔN TẬP ( Tiết 1 )**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**-** Ôn lại các vần đã học. Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học. Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 15 chữ).

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.Giáo viên:** Máy tính, Ti vi, vi deo chữ . vi deo

khởi động<https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, bộ đồ dùng

III.**HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1**  **1.HĐ mở đầu( 5)**  **\* khởi động :** [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0)  - HS chơi trò chơi: Bông hoa tặng cô  + HS chọn bông hoa, đọc từ nhữ có trong bông hoa.  \* GV giới thiệu và ghi tên bài.  **2. HĐ luyện tập:**  **HĐ 1: Ghép các chữ đứng liền nhau (thêm dấu thanh phù hợp) để tạo từ ngữ chỉ loài vật**  - Hoạt động nhóm. GV nêu yêu cầu thảo luận: Các nhóm đọc âm được ghi bằng các chữ theo hàng ngang và hàng dọc đứng liền nhau để tìm từ ngữ chỉ loài vật. Từng thành viên trong nhóm chia sẻ hiểu biết của mình vẽ loài vật mà cá nhân yêu thích.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nghe, nhận xét.  **HĐ2: Đọc**  Tết đang vào nhà  - Gv yêu cầu HS đọc thầm cả bài thơ, tìm tiếng có chứa các vấn ơi, ao, ăng.  - GV hỏi HS về các tiếng chứa vần đã học có trong bài thơ: Những câu thơ nào có tiếng chứa vẫn ơi? Những tiếng nào chứa vật lý?  - GV thực hiện tương tự với các vần ao, ăng.  - GV giải thích nghĩa từ câu đối bằng cách cho HS xem tranh về câu đối.  GV giới thiệu thêm về câu đối. Câu đối được treo ở đình, chùa hoặc những nơi trang trọng trong nhà. Câu đối thường có nội dung ca ngợi những giá trị tốt đẹp. Vào ngày Tết, một số gia đình Việt Nam có truyền thống treo câu đối để thể hiện mong ước tốt lành cho một năm mới.  - GV đọc mẫu.  - HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  + Loài hoa nào được nói tới trong bài thơ?  + Tìm những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của loài hoa đó.  + Gia đình bạn nhỏ làm gì để chuẩn bị đón Tết?  + Còn gia đình em thường làm gì để chuẩn bị đón Tết?  +Em có thích Tết không? Vì sao em thích Tết?  - GV và HS  -GV nhận xét tiết học.  - Đọc cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè khổ đầu của bài thơ Tết đang vào nhà. | -Hs chơi  -HS lắng nghe  -HS thảo luận  - HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.  - HS đọc  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe    -Hs lắng nghe  -Hs đọc  + Hoa đào, hoa mai.  + Hoa đào sáng hồng, hoa mai cánh trắng.  -HS lắng nghe  HS chép vào vở khổ thơ cuối của bài thơ |

**TOÁN**

**TIẾT 52: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật, khối hộp chữ nhật, khối lập phương.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triên các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh tình huống như trong bài học.: ƯDCNTT

- VBT

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu: 5’**  -Chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” ôn tập tính cộng hoặc trừ nhẩm trong phạm vi 10.  + GV nhận xét, tuyên dương.  -GV giới thiệu và ghi tên bài. | - HS cả lớp chơi trò chơi  - HS lắng nghe |
| **B. Hoạt động thực hành, luyện tập:** |  |
| **Bài 4: ( 20)**  a. Hình sau có bao nhiêu hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình tam giác. | - HS thực hiện các thao tác: |
| - Đếm và nói cho bạn nghe về số lượng các hình vừa đếm được,  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS thực hiện  +Có 3 hình vuông.  + Có 8 hình tròn  + Có 7 hình tam giác  + Có 2 hình chữ nhật |
| **b. Mỗi hình sau có bao nhiêu khối hộp chữ nhật, khối lập phương.**  - Đếm và nói cho bạn nghe về số lượng các hình vừa đếm được,  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS thực hiện  + HS lên bảng chỉ và chia sẻ trước lớp. |
| **D. Hoạt động vận dụng: ( 10)**  Bài 5: Nêu phép tính thích hợp với mỗi tranh vẽ.   1. GV giới thiệu tranh   -Nêu bài toán ứng với bức tranh.  -Nêu phép tính ứng với bài toán.  - GV nhận xét, chữa  4 – 1 = 3  b.Tiến hành tương tự:  5 + 2 = 7 | - HS quan sát.  + HS nêu |
| **\*.Củng cố, dặn dò: 2’**  - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  - GV dặn hs về nhà học bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lần lượt chia sẻ  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

…………………………………………………………………………………………………………………

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**CHỦ ĐỀ: NGÀY HỘI VÌ SỨC KHOẺ HỌC ĐƯỜNG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi tham gia hoạt động này, HS có khả năng:

- Nêu được tầm quan trọng của việc giữ vệ sinh an toàn thực phẩm bảo vệ sức khoẻ học đường;

- Xác định được mục tiêu giữu vs ATTP dưới những hình thức khác nhau;

- Tích cực tham gia các hình thức tuyên truyền nhà trường tổ chức và có ý thức tự giác rèn luyện sức khoẻ ở nhà kết hợp với ăn uống hợp lí;

-Rèn kĩ năng lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động, năng lực tự chủ, có ý chí rèn luyện đảm bảo sức khoẻ trong học tập và phát triển thể lực sau này; phát triển phẩm chất trách nhiệm đối với bản thân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. Giáo viên: Tranh ảnh

**-** [**https://youtu.be/7PQ1lg67-6Y**](https://youtu.be/7PQ1lg67-6Y)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**1. Chào cờ: (5)**

- Ổn định tổ chức

-GV điều khiển lễ chào cờ

- Lớp nghe hát Quốc ca, Đội ca.

- GV nhận xét thi đua

- GV triển khai kế hoạch tuần.

**2.Xem video An toàn thực phẩm**

**-** [**https://youtu.be/7PQ1lg67-6Y**](https://youtu.be/7PQ1lg67-6Y)

**3. Bài tuyên truyền an toàn thực phẩm trường tiểu học**

Như chúng ta đã biết vệ sinh an toàn thực phẩm là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay trong xã hội và nhất là một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá xếp loại trường mầm non. Chất lượng VSATTP liên quan đến quá trình từ khâu sản xuất tới khâu tiêu dùng nên công tác này đòi hỏi tính liên ngành cao và là công việc của toàn dân. Với ngành giáo dục, trong đó bậc học mầm non có trách nhiệm lớn vì công việc VSATTP có liên quan đến tổ chức ăn tập thể cho đông đảo lực lượng cán bộ, giáo viên và trẻ em mầm non. Cơ sỡ giáo dục mầm non là nơi tập trung đông trẻ, bản thân trẻ còn non ớt, chưa chủ động ý thức về dinh dưỡng đầy đủ và nếu bị ngộ độc thực phẩm trong cơ sỡ giáo dục mầm non thì hậu quả sẽ rất lớn.

Công tác đảm bảo vệ sinh ATTP luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu. Là một trường có tỷ lệ trẻ ăn bán trú 100%. Mỗi ngày trẻ được ăn 1 bữa tại trường, với thực đơn được thay đổi hàng ngày để bảo đảm sự phong phú và đủ chất dinh dưỡng theo yêu cầu. Nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn vệ sinh ATTP cho trẻ, nhà trường đã đầu tư vào hệ thống nhà bếp. Đội ngũ nhân viên nhà bếp cũng như giáo viên của trường thường xuyên được tập huấn kiến thức, kỹ năng để đảm bảo vệ sinh ATTP trong các bữa ăn. Nhà trường tăng cường hơn công tác vệ sinh cho trẻ, đặc biệt là đảm bảo vệ sinh ATTP. Không chỉ thực phẩm đảm bảo an toàn, việc chế biến thức ăn, quá trình bảo quản thực phẩm đều phải tuân thủ theo quy trình bếp 1 chiều từ khâu sơ chế, đến khâu chia thức ăn. Nhà trường thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh từ khu vực bếp đến phòng học; theo dõi sức khỏe của trẻ, đồng thời trực tiếp tuyên truyền, trao đổi với phụ huynh để cùng giữ vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cho trẻ.

Để đảm bảo nguồn gốc thực phẩm rõ ràng, nhà trường đã ký kết hợp đồng ràng buộc trách nhiệm với các đơn vị cung cấp thực phẩm tươi sạch, có uy tín, đảm bảo chất lượng; có lưu mẫu thức ăn trong vòng 24 giờ; đội ngũ nhân viên nhà bếp đã được tập huấn kiến thức về vệ sinh ATTP và được khám sức khỏe định kỳ; đưa kiến thức về dinh dưỡng, vệ sinh ATTP lồng ghép tuyên truyền cho các bậc cha mẹ ở các lớp như; treo tranh ảnh, áp-phích về vệ sinh ATTP tại các bảng tin, góc tuyên truyền của nhà trường,…để phụ huynh học sinh cùng có trách nhiệm quan tâm đến sức khỏe của trẻ.

NHÀ TRƯỜNG LUÔN THỰC HIỆN TỐT 10 NGUYÊN TẮC VÀNG VỀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Nguyên tắc 1.

Chọn thực phẩm an toàn. Chọn thực phẩm tươi. rau, quả ăn sống phải được ngâm và rửa kỹ bằng nước sạch. Quả nên gọt vỏ trước khi ăn. Thực phẩm đông lạnh để tan đá, rồi làm đông đá lại là kém an toàn.

Nguyên tắc 2.

Nấu chín kỹ thức ăn. Nấu chín kỹ hoàn toàn thức ăn, là bảo đảm nhiệt độ trung tâm thực phẩm phải đạt tới trên 70° C.

Nguyên tắc 3.

Ăn ngay sau khi nấu. Hãy ăn ngay sau khi vừa nấu xong, vì thức ăn càng để lâu thì càng nguy hiểm.

Nguyên tắc 4.

Bảo quản cẩn thận các thức ăn đã nấu chính. Muốn giữ thức ăn quá 5 tiếng đồng hồ, cần phải giữ liên tục nóng trên 60° C hoặc lạnh dưới 10° C. Thức ăn cho trẻ nhỏ không nên dùng lại.

Nguyên tắc 5.

Nấu lại thức ăn thật kỹ. Các thức ăn chín dùng lại sau 5 tiếng, nhất thiết phải được đun kỹ lại.

Nguyên tắc 6.

Tránh ô nhiễm chéo giữa thức ăn chín và sống, với bề mặt bẩn. Thức ăn đã được nấu chính có thể bị nhiễm mầm bệnh do tiếp xúc trực tiếp với thức ăn sống hoặc gián tiếp với các bề mặt bẩn (như dùng chung dao, thớt để chế biến thực phẩm sống và chín).

Nguyên tắc 7.

Rửa tay sạch trước khi chế biến thức ăn và sau mỗi lần gián đoạn để làm việc khác. Nếu bạn bị nhiễm trùng ở bàn tay, hãy băng kỹ và kín vết thương nhiễm trùng đó trước khi chế biến thức ăn.

Nguyên tắc 8.

Giữ sạch các bề mặt chế biến thức ăn. Do thức ăn dễ bị nhiễm khuẩn, bất kỳ bề mặt nào dùng để chế biến thức ăn cũng phải được giữ sạch. Khăn lau bát đĩa cần phải được luộc nước sôi và thay thường xuyên trước khi sử dụng lại.

Nguyên tắc 9.

Che đậy thực phẩm để tránh côn trùng và các động vật khác. Che đậy giữ thực phẩm trong hộp kín, chạn, tủ kính, lồng bàn... Đó là cách bảo vệ tốt nhấy. Khăn đã dùng che đậy thức ăn chín phải được giặt sạch lại.

Nguyên tắc 10.

Sử dụng nguồn nước sạch an toàn. Nước sạch là nước không màu, mùi, vị lạ và không chứa mầm bệnh. hãy đun sôi trước khi làm đá uống. Đặc biệt cẩm thận với nguồn nước dùng nấu thức ăn cho trẻ nhỏ.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn: ngày 30/12/2022**  **Ngày dạy: Thứ tư ngày 5/ 1/2023**  **TIẾNG VIỆT**  **BÀI 81: ÔN TẬP ( Tiết 2)**  **I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**  **-** Ôn lại các vần đã học. Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.  - Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học. Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 15 chữ).  - Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**  **1.Giáo viên:** Máy tính, Ti vi, vi deo chữ . vi deo  khởi động<https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>  **2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, bộ đồ dùng  III.**HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **Tiết 2**  **HĐ 3: Tìm trong bài thơ Tết đang vào nhà những tiếng có vần ơi, ao, ăng**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần di, ao, anh.  - GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV và HS nhận xét, đánh giá.  **\*HDD4: Viết**  - GV HD HS trình bày bằng cỡ chữ nhỏ - GV lưu ý HS xuống dòng sau mỗi câu thơ, viết hoa chữ cái đầu mỗi dòng thơ.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.  \* Củng cố - Dặn dò:  -GV nhận xét tiết học.  - Đọc cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè khổ đầu của bài thơ Tết đang vào nhà. | + HS trả lời.  -HS lắng nghe, viết  -HS lắng nghe  -HS làm việc nhóm  + Các nhóm báo cáo.  -HS lắng nghe  HS chép vào vở khổ thơ cuối của bài thơ |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***  ………………………………………………………………………………………………………………………  **Tiếng Việt**  **Bài 82: ÔN TẬP( Tiết 1+2)**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**  **1. Kiến thức:**  **-** Ôn lại các vần đã học  - Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật, loài hoa); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.  **2. Kĩ năng:**  - Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.  - Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 đến 15 chữ).  **3. Thái độ:** Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.  **II. ĐỒ DÙNG**  **1.Giáo viên:** Máy tính, Ti vi, vi deo chữ . vi deo  khởi động<https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>  **2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, bộ đồ dùng  **III**.**HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**  **TIẾT 1**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1.Ôn và khởi động:**  [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0)  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi. | - HS thực hiện. | | **2. Viết:** |  | | - GV yêu cầu HS đọc nhẩm một lần các số. | - HS lần lượt chỉ các bông hoa và đọc các số. | | - GV hướng dẫn HS viết vào vở các từ chỉ số. | - HS viết:  Ví dụ: 0: không. Mỗi số viết 1 lần. | | - GV quan sát, sửa lỗi cho HS. |  | | **3. Tìm từ** **có cùng vần với mỗi từ chỉ số.** |  | | -Tìm từ có cùng vần với mỗi từ chỉ số GV có thể sử dụng nhiều hình thức hoạt động khác nhau cho nội dung dạy học này. |  | | +) Không chứa vần gì? | - Chứa vần ông. | | +) Tìm tiếng có nghĩa chứa vần ông? | - HS tìm.  Ví dụ: Ông, mông, thông, công, bông,... | | +) Một chứa vần gì? | - Chứa vần ôt. | | +) Tìm tiếng có nghĩa chứa vần ôt? | - HS tìm.  Ví dụ:Tốt, mốt, cốt, cột, lột, .... | | +) Hai chứa vần gì? | - Chứa vần ai. | | +) Tìm tiếng có nghĩa chứa vần ai? | - HS tìm.  Ví dụ: Tai, bai, cai, chai, nai, vai, sai,.... | | Tương tự với các sô ba, bốn, năm, sau, bảy, tám, chín. |  | | **4. Luyện chính tả:** |  | | \*Tiếng được viết bắt đầu bằng c, k. |  | | - GV gắn thẻ chữ c, k lên bảng. Yêu cầu HS đọc. | - HS đọc. CN - ĐT | | +) Tìm những tiếng bắt đầu bằng c/k? | - HS tìm, nêu: Ca, cô, cơ, cu, cư.  Ke, kê, ki,  Con, côn, canh,....  Kiên, ki, kê, kênh, kinh,.... | | - Tổ chức cho HS đọc, phân tích các tiếng vừa tìm được. | - HS thực hiện: Đọc, phân tích cấu tạo tiếng bất kì theo yêu cầu của GV. | | \* Tiếng được viết bắt đầu bằng g, gh, ng, ngh (Tiến hành tương tự) | - HS thực hiện theo nhóm. | | - Tổ chức cho HS viết 2 tiếng có chứa c/k; g/gh; ng/ngh vào vở. | - HS viết theo yêu cầu:  - Tiếng, từ có chứa c/k: Con kiến.  - Tiếng, từ có chứa g/gh: Ghê gớm.  - Tiếng, từ có chứa ng/ ngh: Ngẫm nghĩ. | | - GV quan sát, sửa lỗi cho HS. |  |   **Tiết 2** | |
| **5. Đọc:** |  |
| - GV đọc mẫu. | - HS nghe GV đọc. |
| - GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần). |  |
| - GV yêu cầu HS đọc. | - HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. |
| - Tìm hiểu nội dung bài đọc: |  |
| - Hướng dẫn tìm hiểu nội dung đoạn văn. |  |
| +) Có những loài hoa nào được nói tới trong đoạn văn? | - Hoa bưởi, hoa nhãn, hoa cau, |
| +) Tìm những từ ngữ nói về đặc điểm của các loài hoa đó? | - Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thơm dịu. |
| +) Kể tên các loài chim được nói tới trong bài? | - Chích chòe, khướu, cu gáy |
| +) Theo em, đoạn văn miêu tả cảnh vật vào mùa nào trong năm? Vì sao em biết? | - Mùa xuân. |
| **6. Tìm trong đoạn văn Mùa xuân đến những tiếng cùng vần với nhau.** |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có vần giống nhau. | - HS tìm theo yêu cầu: ngày – nảy, chào - mào, trầm - ngâm. |
| (Lưu ý: HS không nhất thiết phải tìm ra tất cả các tiếng cùng vần với nhau) |  |
| +) Những câu nào có tiếng chứa vấn giống nhau? | - Câu có tiếng chứa vần giống nhau:  Câu: Những bác cu gáy trầm ngâm. |
| +) Những tiếng nào có vần giống nhau? | - Tiếng trầm và tiếng ngâm. |
| +) Hãy phân tích cấu tạo của tiếng trầm và tiếng ngâm? | - HS phân tích. |
| **7. Tìm trong và ngoài đoạn văn tiếng có vần anh, ang** |  |
| - Tìm những tiếng trong đoạn văn có vần anh, ang. Theo nhóm. | - HS đọc lại bài văn. Tìm các tiếng theo yêu cầu. |
| +) Tiếng nào chứa vần anh? | - Tiếng chứa vần anh: xanh, anh, nhanh. |
| +) Tiếng nào chứa vần ang? | - Tiếng chứa vần ang: vàng, càng, |
| +) Hãy phân tích cấu tạo của tiếng có vần anh/ ang? | - HS phân tích tiếng bất kì theo hiệu lệnh của GV. |
| - Tổ chức báo cáo. | - Đại diện các nhóm trình bày. |
| - GVNX. |  |
| - Tìm những tiếng ngoài đoạn văn có vần anh, ang. | - Nhóm đôi thảo luận theo yêu cầu của GV. |
| Yêu cầu HS: Tìm các tiếng ngoài đoạn văn có vấn anh, ang. Sau đó chia sẻ kết quả với nhóm khác để điều chỉnh, bổ sung số lượng tiếng có vấn anh, ang của nhóm mình. | - HS tìm và phân tích tiếng vừa tìm được.  Ví dụ:  Chanh, tanh, thanh, canh, ....  Chang, mang, sang, thang,.... |
|  | - Các nhóm trình bày kết quả trước lớp. |
| - GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm. |  |

**8. Củng cố:**

- GV khen ngợi, động viên HS, lưu ý HS ôn lại các âm, vần xuất hiện trong bài ôn.

- GV cũng có thể khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh vẻ mùa xuân.

**HOẠT ĐỘNGTRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ : EM QUÝ TRỌNG BẢN THÂN**

**BÀI 12: GIỮ VỆ SINH CÁ NHÂN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Kể tên và nhận diện đươc những việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ;

- Thực hiện được một số việc làm thể hiện giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ hằng ngày phù hợp với lứa tuổi;

- Rèn luyện thói quen tự giác, tự lực, có trách nhiệm trong việc giữ vệ sinh cơ thể sạch sẽ hằng ngày.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên:

- Đồ dùng đánh răng, rửa mặt, rửa tay. Xô đựng nước và nước sạch.

- Truyện ngụ ngôn *Gấu con bị sâu răng*; bài hát *Rửa mặt như mèo* (sáng tác: Hàn Ngọc Bích); video, tranh ảnh hướng dẫn cách đánh răng, rửa mặt, các bước rửa tay.

2. Học sinh:

- Nhớ lại các kiến thức đã học của môn Đạo đức, TNXH về nội dung tự chăm sóc bản thân và giữ vệ sinh cá nhân.

- Mỗi HS chuẩn bị một khăn rửa mặt cá nhân;

- Thẻ 2 mặt: 1 mặt xanh và 1 mặt đỏ;

- Mỗi tổ chuẩn bị 2 đến 3 chậu nhựa.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 4’ | **1. KHỞI ĐỘNG**  - Mở bài hát *Rửa mặt như mèo* (sáng tác: Hàn Ngọc Bích) cho HS nghe.  - Đặt câu hỏi:  + Bài hát nói về điều gì?  + Những ai không muốn bị chê “Rửa mặt như mèo”?  - Nhận xét, giới thiệu bài. | - Hát theo và múa phụ họa.  - Trả lời cá nhân.  - Lắng nghe. |
| 9’ | **2.KHÁM PHÁ – KẾT NỐI**  **Hoạt động 1: Chia sẻ những việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân**  **\***Y/C HS nêu tên những việc mọi người thường làm hằng ngày để giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ.  \*Y/C HS quan sát tranh, suy nghĩ và chia sẻ trước lớp theo gợi ý:  + Em đã tự làm được những việc nào để giữ vệ sinh cá nhân?  + Kể lại cách em thực hiện 1 đến 2 việc giữ vệ sinh cá nhân mà em đã tự làm được (tên việc làm, thời gian làm việc đó trong ngày, tác dụng và các bước thực hiện việc đó)  - Nhận xét, tuyên dương HS.  \* Y/C HS quan sát nhóm hình 2 – hoạt động 1, thảo luận và sắp xếp các hình cho đúng trình tự rửa mặt.  - Kết luận các bước rửa mặt.  - NX, khen ngợi, động viên HS.  - Gọi HS trình bày quy trình các bước rửa tay.  **Kết luận:** Có nhiều việc các em cần làm để giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ như: đánh răng, rửa mặt, rửa tay, chân, tắm gội. Mỗi việc giữ vệ sinh cá nhân có tác dụng và cách thực hiện khác nhau. Thường xuyên thực hiện đúng cách việc giữ vệ sinh cá nhân sẽ giúp cho cơ thể luôn sạch sẽ, thơm tho, khỏe mạnh. | - 2-3 HS nêu. HS khác nhận xét, bổ sung.  - Quan sát tranh, suy nghĩ trả lời theo gợi ý.  - Lần lượt HS trình bày, chia sẻ trước lớp.  - HS khác nhận xét và nêu cảm nghĩ của mình về việc bạn đã làm được.  - Thảo luận nhóm đôi, sắp xếp các bức tranh đúng quy trình rửa mặt (4 – 3 – 1 – 2 – 5: Vò khăn bằng nước sạch – Vắt khăn – Đặt khăn vào hai lòng bàn tay – Lau sạch mắt – Lau 2 bên má, trán, mũi, cằm).  - Đại diện 1 số nhóm trình bày.  - Giơ thẻ xanh (đồng tình), thẻ đỏ (không đồng tình).  - 2 HS trình bày.  - Lắng nghe. |
| 9’ | **3.THỰC HÀNH**  **Hoạt động 2: Thực hành rửa mặt, rửa tay**  a, Thực hành rửa mặt  - Tổ chức cho HS lên bảng thực hiện các bước rửa mặt  - Nhận xét, tuyên dương.  b, Thực hành rửa tay  (GV tổ chức tương tự như thực hành các bước rửa mặt)  - NX chung kết quả thực hành, khen ngợi, động viên HS. | - 2-3 HS đại diện mỗi nhóm lên lần lượt thực hiện việc rửa mặt (chọn dụng cụ, đồ dùng, thực hiện các động tác rửa mặt).  - HS khác nhận xét  - Thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - Lắng nghe. |
| 11’ | **4.VẬN DỤNG**  **Hoạt động 3: Thực hiện các việc giữ vệ sinh cá nhân hàng ngày**  - Y/C HS về nhà thực hiện các việc sau:  + Tự giác rửa mặt, đánh răng, rửa tay chân, tắm gội để rèn luyện thói quen giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ hằng ngày.  + Nhờ bố mẹ, người lớn hướng dẫn thêm những việc bản thân chưa tự làm được hoặc làm chưa đúng trong việc vệ sinh cá nhân.  + Nhờ bố mẹ, người thân đánh giá việc làm của mình để báo cáo vào giờ học sau.  \* Tổng kết:  - Mời 1 số HS chia sẻ những điều học được và cảm nhận của các em sau khi tham gia các hoạt động.  - Đưa ra thông điệp và Y/C HS nhắc lại để ghi nhớ: *Hằng ngày, các em cần thực hiện các công việc giữ vệ sinh cá nhân đúng cách để giữ cho cơ thể luôn thơm tho, sạch sẽ và mạnh khỏe.* | - Lắng nghe và thực hiện.  - 1 số HS chia sẻ.  - Lắng nghe và nhắc lại: ĐT - CN |
| 2’ | **5. Củng cố - dặn dò**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 83: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn lại các vần đã học.

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.

- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 đến 15 chữ).

**3. Thái độ:**  Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG**

**1.Giáo viên:** Máy tính, Ti vi, vi deo chữ . vi deo

khởi động <https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, bộ đồ dùng

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1.khởi động <https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi. | - HS thực hiện. |
| - GV cho HS xem một số tranh về hổ, voi, khỉ. Sau đó hỏi HS: | - HS trả lời. |
| +) Trong những câu chuyện đã đọc về loài vật, em thấy hổ là con vật thế nào? | - Hổ, voi, khỉ. |
| +) Voi là con vật thế nào? | - Voi to khỏe, thật thà. |
| +) Khỉ là con vật thế nào? | - Khỉ là con vật thông minh. |
| - GV giới thiệu tranh trong SHS: Trong bức tranh này có 3 nhân vật: voi, khi và hổ. Em có thấy có điều gì đặc biệt? |  |
| **2. Đọc** |  |
| - GV đọc toàn bộ câu chuyện: Voi, hổ và khỉ. | - HS nghe GV đọc. |
| - Tổ chức đọc. | - HS đọc câu chuyện. Đọc nối tiếp và đọc toàn bộ câu chuyện. |
| **3. Trả lời câu hỏi:** |  |
| - GV yêu cầu các nhóm thảo luận về 3 câu hỏi trong SHS. | - Từng thành viên trong nhóm trình bày quan điểm của mình. Mỗi nhóm có thể tham khảo ý kiến của nhóm khác để bổ sung, điều chỉnh kết quả của nhóm mình. |
|  | - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận. |
| - Hướng dẫn tìm hiểu câu chuyện. | - HS trả lời các câu hỏi. |
| +) Vì sao voi phải nộp mạng cho hổ | - Voi thua hổ trong một cuộc thi tài. |
| +) Những từ ngữ nào chỉ vóc dáng của voi và của khỉ? | - Voi to lớn; Khỉ nhỏ bé. |
| +) Ai đã giúp voi thoá nạn? | - Khỉ bày mưu giúp voi. |
| +) Vì sao hổ bỏ chạy? | - Hổ ngồi trong bụi cây nhìn ra. Thấy voi to lớn mà sợ một con vật nhỏ bé, hổ sợ quá, liền bỏ chạy. |
| +) Trong câu chuyện trên, em thích nhất nhân vật nào? | - HS trả lời:  Ví dụ:  Em thích voi vì voi hiền lành, thật thà.  Em thích khỉ vì khỉ thông minh biết giúp đỡ bạn bè.  Em thích hổ vì hổ dũng mãnh,.... |
| - GV nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm. |  |

**Ngày soạn: ngày 02/12/2022**

**Ngày dạy: Thứ năm ngày 05/ 1/2023**

**Bài 83: ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn lại các vần đã học.

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

**2. Kĩ năng:**

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.

- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 đến 15 chữ).

**3. Thái độ:**  Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG**

**1.Giáo viên:** Máy tính, Ti vi, vi deo chữ . vi deo

khởi động<https://youtu.be/iBX6RT_xrg0>

**2. Học sinh**: Sách, vở, bảng con, phấn, bộ đồ dùng

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 4. Đọc.  - GV đọc thành tiếng một lần bài thơ: Nắng xuân hồng.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ từng không (nếu cần): khoảng không gian bao trùm cảnh vật và con người.  - Tổ chức đọc bài thơ.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +) Những cảnh vật nào được nói tới trong bài thơ?  +) Tìm từ ngữ miêu tả bầy chim?  +) Từ “lung linh” dùng để miêu tả sự vật gì?  +) Hai tiếng trong từ “rộn rã” có điểm gì giống và khác nhau?  +) Hai tiếng trong từ "lung linh" có điểm gì giống và khác nhau  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **5. Viết chính tả:**  - GV đọc câu thơ cần viết.  +) Dòng thứ nhất có mấy chữ?  +) Dòng thứ hai có mấy chữ?  - Tổ chức viết chính tả.  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu tiên của đoạn và chữ cái đầu tiên của câu; khoảng cách giữa các chữ, cỡ chữ.  - GV uốn nắn nhắc nhởHS. | - HS đọc nhẩm theo.  - HS đọc nối tiếp hai dòng thơ. Đọc ĐT toàn bài thơ.  - Cây cối, bầy chim, ánh nắng, con đường  - Rộn rã.  - Miêu tả ánh nắng.  -  Giống: giống nhau về âm r khác nhau về vần.  - Giống: giống nhau về âm l khác nhau về vần ung, inh.  - HS đọc lại.  - Có 6 chữ.  - Có 8 chữ  - HS chép 2 dòng thơ vào vở. |

**6. Củng cố:**

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- GV nhắc một số từ ngữ xuất hiện trong bài thơ Nắng xuân hồng (lung linh, rộn rã, hớn hở), cho HS đặt câu với những từ ngữ đó.

- GV khuyến khích HS kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè chuyện Voi, hổ và khỉ.

**Tiếng Việt**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc **.**Đọc được một đoạn văn, thơ khoảng 35 – 40 tiếng chứa vần đã học.

- Có khả năng hợp tác, chia sẻ với bạn, vận dụng những điều đã học vào thực tế.Biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

- Yêu thích ngôn ngữ Tiếng việt qua các hoạt động học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV:Nội dung ôn tập [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0)

- HS: Vở ôli.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1: ĐỌC THÀNH TIẾNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động:** Mở nhạc cho HS hát   [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0) | HS hát múa vận động |
| - Giới thiệu bài:  - GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học. | - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành** |  |
| **2. 1. Yêu cầu**  - Mỗi HS trong lớp đọc một đoạn văn, thơ khoảng 35 – 40 tiếng chứa vần đá học. Ngữ liệu kiểm tra là các đoạn đã được đánh số thứ tự trong bài đọc mà để kiểm tra GV chuẩn bị và giới thiệu (Một trí khôn hơn trăm trí khôn), cũng có thể là một bài ngắn, một đoạn bất kì trong các bài Tập đọc của SGK (đã học trước đó).  - Nếu lấy văn bản ngoài SGK làm ngữ liệu thì GV phải hết sức chú ý để tránh lạc vần (tiếng có vần HS chưa được học). với nội dung học vần kết thúc học kì I. | - HS lắng nghe yêu cầu |
| **2.2. Cách thực hiện.**  - GV làm các thăm ghi số các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 (truyện Một trí khôn hơn trăm trí khôn) hoặc các đoạn của các văn bản khác (Nàng tiên cá, Chú bé trên cung trăng, Em bé của chuột con, Nước sông ngọt mát,...).  - HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc.  - HS đọc trước lớp đoạn văn (không nhất thiết phải đọc hết cả đoạn). GV có thể yêu cầu HS phân tích 1 tiếng bất kì để tăng điểm cho HS.  - GV nhận xét, chấm điểm (theo hướng dẫn tại các văn bản chỉ đạo hiện hành). Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để kiểm tra lại. | - HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc. |
| (1) Tỏ vẻ  Chồn và gà rừng là bạn thân nhưng chồn vẫn ngầm xem thường gà. Một hôm, chồn tỏ vẻ:  - Gà à, bạn có trí khôn chứ?  - Chỉ có tí ti. - Gà đáp.  Chồn ra vẻ:  - Tớ thì có cả trăm trí khôn cơ. | |
| (2) Bất ngờ  Vừa lúc đó một bác nông dân cầm liềm đi qua.  Chồn và gà cuống cuồng bỏ trốn. Chúng nấp trong đám cỏ rậm. Bác nông dân len giữa đám cỏ, đe: “ Ta đã nhìn rõ bọn mi. Cứ nằm yên đó nhé”. | |
| (3) Trí khôn của gà  Chồn và gà nghe thế thì ớn quá. Gà giục chồn: “Bạn nghĩ kế gì đi!”. Chồn chả nghĩ ra kế gì. Nó nhờ gà nghĩ giúp. Gà thầm thì: “Bạ cứ yên trí làm thế, làm thế...”. | |
| (4) Mắc lừa  Bác nông dân tóm được gà trong đám cỏ. Gà giả vở ủ rũ. Bác ta bỏ gà trên cỏ để vồ chồn. Gà vù lên đống rơm, vươn cổ kêu: “Ò ó o o...”. Bác liền bỏ chồn để vồ gà. Chỉ chờ thế, chồn co giò biến mất. | |
| (5) Cảm phục  Chồn về đế nhà, vừa sợ, vừa then, vừa cảm phục gà. Chồn đến tìm gà. Nó ân hận:  - Gà à, tí ti trí khôn của bạn còn hơn cả trăm trí khôn của tớ. Cảm ơn bạn nhé.  Từ hôm đó, chồn tin và quý gà hơn. | |
| **4. Hoạt động vận dụng, nối tiếp.**  - GV nhận xét tiết học;  - Về nhà cùng với người thân luyện đọc những bài đã học. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

**Tiếng Việt**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Làm đúng bài tập: Nối vần (trên mỗi toa tàu) với từng mặt hàng. Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Chú bé trên cung trăng. Tập chép đúng kiểu chữ, cỡ chữ, đúng chính tả 1 câu văn.

- Tự giác trong việc ôn tập. Tự tin trao đổi ý kiến với thầy cô, bạn bè. Hợp tác với bạn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

-HS yêu thích học Tiếng Việt.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV:**

- Hình toa tàu và các sự vật (Phiếu học tập).

- Bảng phụ (có dòng kẻ ô li) viết câu văn cần tập chép.

**2. HS:**

- Bảng con, phấn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**: **Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** |  |
| - Ổn định | HS hát một bài |
| Giới thiệu bài:  -GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học. | - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức:** | |
| - Giới thiệu bài: Ôn tập cuối HKI | - HS theo dõi  - HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại đề |
| **2.1. Bài tập 1**: Sử dụng phiếu bài tập  Mỗi toa tàu chở gì?  - GV đưa lên bảng nội dung phiếu bài tập (hình các toa tàu, sự vật).  - GV chỉ vần ghi trên từng toa, yêu cầu HS đọc.  - GV chỉ tên từng mặt hàng, yêu cầu HS đọc.  - GV dùng kĩ thuật vi tính chuyển hình các viên thuốc và từ **thuốc** vào toa 1 có vần **uôc.**  - Yêu cầu HS nóitên toa và tên hàng đang chở.  - GV cho HS làm bài;  - Yêu cầu HS nói kết quả. | - HS theo dõi.  - HS đọc: uôc, ương, uôt, ươp, ưng.  - HS đọc: thuốc, dưa chuột, đường,.  - HS nói: Toa 1 (vần **uôc)** chở **thuốc.** Cả lớp nhắc lại.  - HS làm bài trong phiếu bài tập;  Cả lớp đồng thanh:  + Toa 1 (vần **uôc)** chở **thuốc.**  **+** Toa 2 (vần **ương)** chở **đường.**  **+** Toa 3 (vần **uôt)** chở **dưa chuột.**  **+** Toa 4 (vần **ươp)** chở **mướp,** chở **cá ướp.**  **+** Toa 5 (vần **ưng)** chở **trứng.** |
| **2.2. Bài tập 2** (Tập đọc)  a. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài: Chú bé trên cung trăng chính là chú Cuội ngồi gốc cây đa. Những đêm trăng sáng, nhìn lên mặt trăng các em thường thấy bóng chú Cuội trên đó. Các em cùng nghe bài để biết vì sao chú Cuội lên cung trăng, ở đó chú cảm thấy thế nào.  b. GV đọc mẫu, nhấn giọng gây ấn tượng với các từ ngữ ba bóng đen, cuốn, rất buồn, quá xa. Giải nghĩa từ cuốn (kéo theo và mang đi nhanh, mạnh).  c. Luyện đọc từ ngữ:  - GV ghi bảng các từ ngữ : cung trăng, bóng đen mờ, mặt trăng, nghé, xưa kia, trần gian, cuốn, buồn.  - GV nhận xét. | - HS lắng nghe   * HS lắng nghe   - HS luyện đọc (cá nhân, tập thể) |
| **Tiết 2** | |
| **3. Luyện tập, thực hành** |  |
| Cả lớp nhìn bảng lớp, đọc: **vằng vặc, nhẹ nhàng, ngân nga, ngan ngát,** | - Cả lớp đọc các chữ, tiếng tập viết |
| - GV vừa viết mẫu từng tiếng, từ vừa hướng dẫn quy trình. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh ở từng chữ: tấm thiếp. | - HS quan sát, lắng nghe.  vằng vặc nhẹ nhàng  ngân nga ngan ngát |
| - GV yêu cầu HS thực hành viết.  - GV hướng dẫn, giúp đỡ HS kết hợp nhận xét đánh giá  - Cho HS viết vào vở Luyện viết 1.  - GV kiểm tra, nhận xét, chữa bài cho HS.  - GV thu bài học sinh chấm  - GV nhận xét , đánh giá bài viết | - HS thực hiện viết vở ô li  - HS nộp bài  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng nối tiếp** | - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| - GV nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh đã viết xong, Nhắc HS chưa viết xong về nhà tiếp tục luyện viết |  |

**HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH Tiếng Việt**

**ÔN TẬP THỰC HÀNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc **.**Đọc được một đoạn văn, thơ khoảng 35 – 40 tiếng chứa vần đã học.

- Có khả năng hợp tác, chia sẻ với bạn, vận dụng những điều đã học vào thực tế.Biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

- Yêu thích ngôn ngữ Tiếng việt qua các hoạt động học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV:Nội dung ôn tập [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0)

- HS: Vở ôli.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**Tiết 1: ĐỌC THÀNH TIẾNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động:** Mở nhạc cho HS hát   [**https://youtu.be/iBX6RT\_xrg0**](https://youtu.be/iBX6RT_xrg0) | HS hát múa vận động |
| - Giới thiệu bài:  - GV nêu yêu cầu cần đạt của bài học. | - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành** |  |
| **2. 1. Yêu cầu**  - Mỗi HS trong lớp đọc một đoạn văn, thơ khoảng 35 – 40 tiếng chứa vần đá học. Ngữ liệu kiểm tra là các đoạn đã được đánh số thứ tự trong bài đọc mà để kiểm tra GV chuẩn bị và giới thiệu (Một trí khôn hơn trăm trí khôn), cũng có thể là một bài ngắn, một đoạn bất kì trong các bài Tập đọc của SGK (đã học trước đó).  - Nếu lấy văn bản ngoài SGK làm ngữ liệu thì GV phải hết sức chú ý để tránh lạc vần (tiếng có vần HS chưa được học). với nội dung học vần kết thúc học kì I. | - HS lắng nghe yêu cầu |
| **2.2. Cách thực hiện.**  - GV làm các thăm ghi số các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 (truyện Một trí khôn hơn trăm trí khôn) hoặc các đoạn của các văn bản khác (Nàng tiên cá, Chú bé trên cung trăng, Em bé của chuột con, Nước sông ngọt mát,...).  - HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc.  - HS đọc trước lớp đoạn văn (không nhất thiết phải đọc hết cả đoạn). GV có thể yêu cầu HS phân tích 1 tiếng bất kì để tăng điểm cho HS.  - GV nhận xét, chấm điểm (theo hướng dẫn tại các văn bản chỉ đạo hiện hành). Những HS đọc chưa đạt sẽ ôn luyện tiếp để kiểm tra lại. | - HS lên bảng bốc thăm đoạn đọc. |
| (1) Tỏ vẻ  Chồn và gà rừng là bạn thân nhưng chồn vẫn ngầm xem thường gà. Một hôm, chồn tỏ vẻ:  - Gà à, bạn có trí khôn chứ?  - Chỉ có tí ti. - Gà đáp.  Chồn ra vẻ:  - Tớ thì có cả trăm trí khôn cơ. | |
| (2) Bất ngờ  Vừa lúc đó một bác nông dân cầm liềm đi qua.  Chồn và gà cuống cuồng bỏ trốn. Chúng nấp trong đám cỏ rậm. Bác nông dân len giữa đám cỏ, đe: “ Ta đã nhìn rõ bọn mi. Cứ nằm yên đó nhé”. | |
| (3) Trí khôn của gà  Chồn và gà nghe thế thì ớn quá. Gà giục chồn: “Bạn nghĩ kế gì đi!”. Chồn chả nghĩ ra kế gì. Nó nhờ gà nghĩ giúp. Gà thầm thì: “Bạ cứ yên trí làm thế, làm thế...”. | |
| (4) Mắc lừa  Bác nông dân tóm được gà trong đám cỏ. Gà giả vở ủ rũ. Bác ta bỏ gà trên cỏ để vồ chồn. Gà vù lên đống rơm, vươn cổ kêu: “Ò ó o o...”. Bác liền bỏ chồn để vồ gà. Chỉ chờ thế, chồn co giò biến mất. | |
| (5) Cảm phục  Chồn về đế nhà, vừa sợ, vừa then, vừa cảm phục gà. Chồn đến tìm gà. Nó ân hận:  - Gà à, tí ti trí khôn của bạn còn hơn cả trăm trí khôn của tớ. Cảm ơn bạn nhé.  Từ hôm đó, chồn tin và quý gà hơn. | |
| **4. Hoạt động vận dụng, nối tiếp.**  - GV nhận xét tiết học;  - Về nhà cùng với người thân luyện đọc những bài đã học. | - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

**Tiếng Việt**

**VẬN DỤNG, THỰC HÀNH KIẾN THỨC- TIẾT 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn lại các vần đã học.

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội. Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học. Củng cố kĩ năng chép chính tả một câu ngắn (có độ dài khoảng 5 đến 7 chữ). Nhớ quy tắc chính tả ng / ngh, làm đúng BT điền chữ **ng/ ngh.**

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. CHUẨN BỊ:**

**GV:** Máy tính, UDCNTT, ND bài ôn tập

**HS:** Vở ô li

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  Mở nhạc cho HS hát và vận động bài : Bài ca đi học | - HS hát múa vận động |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức:** |  |
| - Giới thiệu bài: Bài Vận dụng thực hành kiến thức cuối HKI |  |
|  |  |
| **2.1.Ôn : Quy tắc chính tả**  - Cho HS nhắc lại luật chính tả về âm đầu thông qua một số từ ngữ có chứa âm đầu c/k; g/gh; ng/ngh.  **3.Vận dụng:**  **Bài tập 3**: Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh?**  - GV gắn lên bảng quy tắc chính tả.  **+ ngh** (ngờ kép) kết hợp với **e, ê, i.**  **+ ng** (ngờ đơn) kết hợp với các chữ còn lại: **a, o, ô, ơ, u, ư,...**  - GV cho HS làm bài trong Phiếu học tâp.  - GV phát phiếu khổ to cho 1 HS điền chữ.  - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV chốt đáp án và yêu cầu cả lớp đọc:  **4. Củng cố:** Nhắc lại quy tắc chính tả c/k; g/gh; ng/ngh. | - HS đọc các từ:  **+ Chữ bắt đầu bằng c/k**: Con cá, kì đà, con kênh, kinh ngạc, cái kẻng,….  **+ Chữ bắt đầu bằng g/gh**: ghế gỗ, gồ ghề, ghe go, gà gô, gập ghềnh,…..  **+ Chữ bắt đầu bằng ng/ngh**: Ngô non, củ nghệ, hoan nghênh; ngây thơ; buồn ngủ;……  + Điền x hay s: củ sắn, xe đạp, xinh đẹp, sinh sôi xát thóc, sát thủ, …..  + Điền l hay n: ăn no; lo lắng, ruộng nương, lương thực, nòng súng, lòng đường, lanh lợi, răng nanh,….  - Cả lớp đọc  - HS nghe ND y/c  - HS làm bài trên phiếu gắn bài lên bảng lớp  - HS báo cáo kết quả:  1) nghé,  2) nghe,  3) ngỗng.  - Cả lớp đọc lại.  - HS đối chiếu kết quả làm bài với đáp án; sửa lỗi (nếu làm sai). |

**TOÁN**

**EM VUI HỌC TOÁN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS sẽ được trải nghiệm các hoạt động:

Hát và vận động theo nhịp, chơi trò chơi thông qua đó cúng cố kĩ năng cộng, trừ các số trong phạm vi 10.

Vẽ tranh biếu diễn phép cộng, phép trừ qua đó hiểu ý nghĩa phép cộng, phép trừ.

Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật gắn với các hoạt động tạo hình.

Phát triển các NL toán học.

**II.CHUẨN BỊ**

Bàihát.<https://coccoc.com/search?query=VI+DEO+B%C3%80I+H%C3%81T+M%E1%BB%98T+V%E1%BB%9AI+M%E1%BB%98T+L%C3%80+HAI&tbm=vid>

Bút màu, giấy vẽ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **A.Hoạt động 1. Cùng hát và giơ ngón tay biểu diễn phép tính**  a) Hát và vận động theo nhịp  đường link |  |
|  | HS hát và vận động theo nhịp của bài hát. Ví dụ: Khi hát “Một với một là hai” thì HS giơ 2 ngón tay (mỗi tay 1 ngón) để minh hoạ phép tính theo lời bài hát.  b) Giơ ngón tay biểu diễn phép cộng, phép trừ  HS thực hiện theo cặp: đọc phép tính, giơ ngón tay biểu diễn phép tính vừa đọc và ngược lại. |
| b.Hoạt động 2. Cùng nhau tạo hình  - Cho HS thực hiện theo nhóm: Cùng nắm tay nhau tạo thành hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác.  - Khuyến khích HS suy nghĩ thay đổi tư thế tìm các cách tạo hình sáng tạo. | - HS thực hiện |
| C. Hoạt động 3. Vẽ tranh rồi viết phép cộng, phép trừ thích hợp  - Cho HS thực hiện theo nhóm: Vẽ tranh biểu diễn phép cộng, phép trừ rồi viết phép tính thích hợp với mỗi tình huống. | - HS thực hiện |
| - Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em.  - Trung bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng. |  |
| E. Củng cố, dặn dò  - HS nói cảm xúc sau giờ học.  - HS nói về hoạt động thích nhất trong giờ học.  - HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì. |  |

**Ngày soạn: ngày 03/12/2022**

**Ngày dạy: Thứ sáu ngày 06/ 1/2023**

**ĐẠO ĐỨC**

**Ôn tập - Đánh giá cuối HK 1.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học này, HS sẽ:

Được xem các tình huống do hs đóng vai có các nội dung ở bài đã học

Biết lựa chọn những hành vi, thái độ đúng chuẩn mực đạo đức.

**II.CHUẨN BỊ**

* SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;
* Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười - mặt mếu, âm nhạc

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. **Khởi động**
2. **Xem tình huống hs đóng**
3. **Đưa ra cách xử lý**
4. **GV chốt cách** hành vi, thái độ đúng chuẩn mực đạo đức để hs thực hiện vào cuộc sống

**SINH HOẠT LỚP**

**Tham gia đoán tên bạn dựa trên đặc điểm bên ngoài**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 5 **“Em quý trọng bản thân”**

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

**-** Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể, phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu.<https://coccoc.com/search?query=video%20b%C3%A0i%20h%C3%A1t%20l%E1%BB%9Bp%20ch%C3%BAng%20ta%20%C4%91o%C3%A0n%20k%E1%BA%BFt&shared=1&share=featuredVideo>

**- HS:** Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **(2’)A. KHỞI ĐỘNG**  Yêu cầu bạn quản ca bắt nhịp cho cả lớp hát bài hát. <https://coccoc.com/search?query=video%20b%C3%A0i%20h%C3%A1t%20l%E1%BB%9Bp%20ch%C3%BAng%20ta%20%C4%91o%C3%A0n%20k%E1%BA%BFt&shared=1&share=featuredVideo> | - Cả lớp hát kết hợp vỗ tay |
| **13’)B. SƠ KẾT TUẦN VÀ THẢO LUẬN KẾ HOẠCH TUẦN SAU**  **Phần 1:** **Sơ kết hoạt động tuần 15:**  - GV cho lớp trưởng điều hành hoạt động sơ kết tuần 15: Mời các tổ trưởng lên báo cáo các mặt về hoạt động nề nếp, học tập và các hoạt động khác của tổ trong tuần vừa qua.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi nói về những việc bản thân đã làm được và những mong muốn tiếp tục thực hiện để giúp đỡ nhau học tập.  - Gọi một số nhóm trình bày ý kiến  - GV nhận xét chung:  + Nề nếp: ...................................  + Học tập: .................................  + Các hoạt động khác: .................  - GV tuyên dương, khen thưởng những HS xuất sắc, đôi bạn cùng tiến, tổ xuất sắc,...  **Phần 2: Xây dựng kế hoạch tuần tới**  - GV phát động thi đua:  + Nề nếp: ...................................  + Học tập: .................................  + Các hoạt động khác: ................. | * Các thành viên trong tổ và các tổ khác chia sẻ, bổ sung ý kiến.   - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS trình bày theo nhóm  - Các nhóm khác nhận xét bổ sung. |
| - GV tổ chức trò chơi: **“Đoán tên bạn dựa trên đặc điểm bên ngoài”**  -GV làm một số phiếu nhận biết, trong đó có nêu một vài đặc điểm như: tóc, khuôn mặt, chiều cao… của học sinh trong lớp cho vào hộp hoặc gấp thành các bông hoa cài lên trên cành cây để HS bốc thăm.  - GV lấy tinh thần xung phong của HS lên bốc thăm sau đó đọc to, rõ nội dung trong phiếu và có quyền đoán bạn có đặc điểm trong phiếu là ai, nếu không đoán được thì các bạn trong lớp sẽ tham gia đoán. Bạn nào đoán đúng sẽ được thưởng một bông hoa may mắn.  - GV nhận xét, tuyên dương  **(10’)D. ĐÁNH GIÁ** | - HS tham gia  - HS lắng nghe |
| **a.Cá nhân tự đánh giá:**  -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới đây:  -Tốt: Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:  + Đã nhận biết được những nét bên ngoài và giới thiệu được với bạn.  + Luôn nói lời khích lệ về vẻ bên ngoài của người khác theo hướng tích cực  -Đạt: Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **b) Đánh giá theo tổ/ nhóm:**  -GV HD tổ trưởng/ nhóm trưởng điều hành để các thành viên trong tổ/ nhóm  đánh giá lẫn nhau về các nội dung sau:  + Có sáng tạo trong thực hành hay không.  + Thái độ tham gia hoạt động có tích cực tự giác, hợp tác, trách nhiệm … hay không.  **c)Đánh giá chung của GV:**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung  **2’)E.CỦNG CỐ DẶN DÒ** | - HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung |
| - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

…………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiếng Việt**

**VẬN DỤNG, THỰC HÀNH KIẾN THỨC- TIẾT 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

**-** Ôn lại các vần đã học.

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội. Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học. Củng cố kĩ năng chép chính tả một câu ngắn (có độ dài khoảng 5 đến 7 chữ). Nhớ quy tắc chính tả ng / ngh, làm đúng BT điền chữ **ng/ ngh.**

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. CHUẨN BỊ:**

**GV:** Máy tính, UDCNTT, ND bài ôn tập

**HS:** Vở ô li

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2** | |
| **. Luyện tập, thực hành** | |
| **2. Luyện đọc:** |  |
| - Cho HS nhắc lại các vần khó. | - HS nhắc lại: oan, oat, oăn, oăt, uân, uât, oai, uê, uy, uyên uyêt,….. |
| - Tổ chức ôn lại các âm, tiếng, từ đã học và đọc một số đoạn văn GV chuẩn bị ngoài SGK. | Đọc bài: |
| - GV nhận xét, sửa phát âm. |  |
|  | |
| **2. Luyện viết:** |  |
| - GV ghi bảng các chữ cần luyện viết lên bảng. | - HS thực hiện đọc, nêu cấu tạo các chữ, cách nối các con chữ để tạo thành tiếng theo yêu cầu của GV. |
| - Tổ chức đọc lại câu văn cần viết. | - HS đọc. |
| - Tổ chức cho HS viết vở ô ly.  **\* Lưu ý** cách viết câu đầu câu viết hoa cuối câu có dấu chấm. | - HS viết bài vào vở.  **Chú bé trên cung trăng rất nhớ nhà.** |
| - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng. |  |
| - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **3. Hoạt động vận dụng nối tiếp**  - GV biểu dương những HS tích cực.  - GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị bài tiếp theo Đọc thành tiếng |  |
| **5. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà.  **\_** | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY *( Nếu có)***

………………………………………………………………………………………………………………………